

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH HẬU GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2024/HNGĐ-PT
Ngày 03 - 7 - 2024
V/v: “Tranh chấp ly hôn,
chia tài sản chung”

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HẬU GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Võ Thị Phụng

Các Thẩm phán:

Ông Hồ Văn Luông

Ông Nguyễn Hữu Bằng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hà Linh – Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang: Bà Đặng Kim Quang
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Trong ngày 03 tháng 7 năm 2024, tại phòng xét xử Tòa án nhân dân tỉnh Hậu Giang, xét xử phúc thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 09/2024/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 4 năm 2024, về việc “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung”.

Do Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 02/2024/HNGĐ-ST, ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 08/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 5 năm 2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 10/2024/QĐ-PT ngày 06 tháng 6 năm 2024 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Võ Thị T, sinh năm 1981. (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền số chứng thực: 1165, quyển số 01/2023 TP/CC-SCC/HĐGD ngày 13/7/2023): Ông Lâm Văn K, sinh năm 1980; (Có mặt)

Địa chỉ: Số A đường C, phường H, quận N, thành phố Cần Thơ.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1 (D), sinh năm 1980; (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

1/ Ông Cao Văn T2, sinh năm 1964. (Có mặt)

2/ Ông Cao Văn Y, sinh năm 1942. (Có mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang.

Do có kháng cáo của: Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Văn Y.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ thì nội dung vụ án như sau:

Nguyên đơn bà Võ Thùy T3 trình bày: Giữa nguyên đơn và bị đơn kết hôn năm 2008, không có làm lễ cưới theo truyền thống và có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang. Thời gian đầu vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2020 phát sinh mâu thuẫn, do bất đồng trong cách sống, thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, đời sống chung vợ chồng không hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được. Ông bà đã sống ly thân từ năm 2020 đến nay. Bà T3 yêu cầu giải quyết được ly hôn với bị đơn ông Nguyễn Văn T1.

Quá trình chung sống bà T3 và ông T1 có một con chung, tên Nguyễn Như Q sinh năm 2005 đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Yêu cầu chia giá trị tài sản trên đất, thửa đất số 78 tờ bản đồ số 34, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CK378120/CS04090 cấp ngày 19/01/2018. Không yêu cầu chia đất hoặc giá trị đất.

Về nợ chung, nợ cho vay: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 trình bày: Bị đơn đồng ý với nguyên đơn về thời gian kết hôn, không có làm lễ cưới theo truyền thống, có đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật. Bị đơn ông Nguyễn Văn T1 đồng ý ly hôn với nguyên đơn bà Võ Thị T. Về con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: không đồng ý chia tài sản chung như nguyên đơn yêu cầu. Vì nguyên đơn chỉ đi làm công ty không có trồng và chăm sóc cây.

Về nợ chung, nợ cho vay: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan trình bày:

Ông Cao Văn T2 trình bày: Cao Văn T2 thuê đất từ tháng 8 hoặc tháng 9 năm 2022, thuê đất không có làm hợp đồng không có thỏa thuận về giá. Không có ý kiến hoặc yêu cầu trong vụ án này.

Ông Cao Văn Y trình bày: Các cây trồng trên đất là do ông Y trồng, canh tác đến năm 2019 giao lại cho ông Nguyễn Văn T1 và bà Võ Thị T canh tác đến năm 2022 thì bà T bỏ đi và cho ông T2 canh tác. Ông Y không đồng ý chia giá trị cây trồng như yêu cầu của nguyên đơn.

Tại Bản án sơ thẩm số 02/2024/HNGĐ –ST ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Võ Thị T và bị đơn ông Nguyễn Văn T1 thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Con chung đã trưởng thành, không đặt ra xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T1 giao cho nguyên đơn bà Võ Thị T số tiền 41.190.000 đồng (bốn mươi một triệu một trăm chín mươi ngàn đồng), tiền phân nửa giá trị cây trồng. Giao toàn bộ số cây trồng trên thửa đất số 78 tờ bản đồ số 34, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CK378120/CS04090 cấp ngày 19/01/2018 cho bị đơn ông Nguyễn Văn T1.

Về nợ chung, nợ cho vay chưa xem xét giải quyết.

1.4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.5. Đình chỉ yêu cầu chia phần đất diện tích 2009.4m² thửa đất số 78 tờ bản đồ số 34, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CK378120/CS04090 cấp ngày 19/01/2018 của nguyên đơn.

Đương sự được nhận lại tài liệu chứng cứ (nếu có) khi có yêu cầu.

Đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định tại khoản 1 Điều 218, khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo và quyền yêu cầu thi hành án của các đương sự.

Ngày 22 tháng 01 năm 2024, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Cao Văn Y kháng cáo một phần Bản án số 02/2024/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 01 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành. Ông Cao Văn Y yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, về việc yêu cầu chia ½ giá trị cây trồng trên đất, số tiền 41.190.000 đồng.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Cao Văn Y yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét chia số tiền 82.380.000 đồng cho bốn người gồm vợ chồng ông Y và vợ chồng bà T ông T1, mỗi người được hưởng một phần. Người đại diện của nguyên đơn không đồng ý theo yêu cầu kháng cáo của ông Cao Văn Y. Bị đơn thống nhất với yêu cầu kháng cáo của ông Cao Văn Y. Các đương sự không ai bổ sung thêm tài liệu chứng cứ mới.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hậu Giang tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm từ khi thụ lý vụ án đến phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử

và Thư ký đã thực hiện đúng và đầy đủ các quy định của pháp luật về tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Đại diện kiểm sát nhận định ông Cao Văn Y là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan, tại Tòa án cấp sơ thẩm ông không có yêu cầu độc lập. Tòa án cấp sơ thẩm chưa xem xét yêu cầu của ông nên Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận xem xét yêu cầu kháng cáo của ông Y. Mặt khác, Việc ông Cao Văn Y đã tặng cho vườn cây cho vợ chồng ông Nguyễn Văn T1 và bà Võ Thị T đồng nghĩa với việc đã chuyển giao quyền sở hữu cho ông T1 và bà T. Do đó, nay vợ chồng ông T1 và bà T ly hôn ông Y lấy lại vườn cây là không phù hợp với quy định của pháp luật. Đại diện viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của ông Cao Văn Y. Áp dụng quy định khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng

Về xác định quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn khởi kiện về việc xin ly hôn, chia tài sản chung với bị đơn nên đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình. Tòa án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp ly hôn, chia tài sản chung khi ly hôn” là đúng với quy định tại Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn có nơi cư trú tại ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Hậu Giang, theo quy định tại Điều 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Sau khi xét xử sơ thẩm, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có đơn kháng cáo đúng quy định tại các Điều 271, 272, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận xem xét theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về nội dung:

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Cao Văn Y kháng cáo cho rằng toàn bộ cây trồng trên diện tích đất 2009,4m² là của vợ chồng ông trồng và chăm sóc. Tổng giá trị cây trồng là 82.380.000đồng là tài sản của vợ chồng ông, không phải là tài sản chung của vợ chồng bà Võ Thị T và ông Nguyễn Văn T1. Bản án sơ

thẩm chia đôi giá trị cây trồng cho nguyên đơn số tiền 41.190.000đồng, ông Cao Văn Y không đồng ý.

Hội đồng xét xử xét thấy, ông Cao Văn Y là cha ruột của bị đơn ông Nguyễn Văn T1. Năm 2019 ông Cao Văn Y đã trồng các loại cây gồm mít, sầu riêng, cóc, xoài, chuối trên diện tích 2009.4m², thửa đất số 78 tờ bản đồ số 34, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CK378120/CS04090 cấp ngày 19/01/2018 cho ông Nguyễn Văn T1. Ông Y đã tặng cho các loại cây trồng cho vợ chồng bà Võ Thị T và ông Nguyễn Văn T1, ông T1 và bà T đã canh tác thu hoa lợi từ khi được cha tặng cho đến năm 2023, là tài sản chung của vợ chồng. Tòa án cấp sơ thẩm chia đôi giá trị cây trồng cho bà Võ Thị T số tiền 41.190.000đồng là có cơ sở. Do đó, Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Cao Văn Y.

[3] Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử giữ nguyên bản án sơ thẩm là có cơ sở đúng quy định pháp luật, nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[4] Về án phí

[4.1] Án phí dân sự sơ thẩm: Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, chi phí tố tụng, quyền kháng cáo các đương sự thực hiện theo quy định của pháp luật.

[4.2] Về án phí phúc thẩm: Buộc ông Cao Văn Y phải chịu án phí, do ông Y thuộc trường hợp người cao tuổi theo quy định tại Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, nên được miễn án phí.

[4] Các phần quyết định của Bản án sơ thẩm không bị Viện kiểm sát kháng nghị, không bị đương sự kháng cáo, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về qui định mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của ông Cao Văn Y.

Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Ghi nhận sự tự nguyện của nguyên đơn bà Võ Thị T và bị đơn ông Nguyễn Văn T1 thuận tình ly hôn.

1.2. Về con chung: Con chung đã trưởng thành, không đặt ra xem xét giải quyết.

1.3. Về tài sản chung, buộc bị đơn ông Nguyễn Văn T1 giao cho nguyên đơn bà Võ Thị T số tiền 41.190.000 đồng (bốn mươi một triệu một trăm chín mươi ngàn đồng). Giao toàn bộ số cây trồng trên thửa đất số 78 tờ bản đồ số 34, giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CK378120/CS04090 cấp ngày 19/01/2018 cho bị đơn ông Nguyễn Văn T1.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật và có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

1.4. Về nợ chung, nợ cho vay chưa xem xét giải quyết.

1.5. Đình chỉ yêu cầu chia phần đất diện tích 2009.4m² thửa đất số 78 tờ bản đồ số 34, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất CK378120/CS04090 cấp ngày 19/01/2018 của nguyên đơn bà Võ Thị T.

Đương sự có quyền khởi kiện lại theo quy định tại khoản 1 Điều 218, khoản 3 Điều 192, điểm c khoản 1 Điều 217 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

2. Về án phí

2.1. Án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm: Nguyên đơn bà Võ Thị T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) được khấu trừ 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0011226 ngày 28/6/2023 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang thành án phí.

Nguyên đơn bà Võ Thị T phải chịu án phí chia tài sản 2.059.000 đồng (hai triệu không trăm năm mươi chín ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí chia tài sản đã nộp 7.500.000 đồng (bảy triệu năm trăm ngàn đồng). Bà Võ Thị T được nhận lại 5.441.000 đồng (năm triệu bốn trăm bốn mươi một ngàn đồng) theo Biên lai nộp tiền tạm ứng án phí số 0011225 ngày 28/6/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Nguyên đơn ông Nguyễn Văn T1 phải chịu án phí chia tài sản 2.059.000 đồng (hai triệu không trăm năm mươi chín ngàn đồng) nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

Chi phí thẩm định, định giá 5.000.000 đồng (năm triệu đồng) nguyên đơn phải chịu 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng) đã thực hiện xong. Bị đơn phải chịu chi phí thẩm định, định giá 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng). Nguyên đơn được nhận lại chi phí thẩm định, định giá 2.500.000 đồng (hai triệu năm trăm ngàn đồng), sau khi bị đơn nộp tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Hậu Giang.

2.2. Án phí phúc thẩm: Miễn án phí cho ông Cao Văn Y.

3. Các phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị Viện kiểm sát kháng nghị, không bị đương sự kháng cáo, đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND tỉnh Hậu Giang;
- TAND huyện Châu Thành;
- Chi cục THADS huyện Châu Thành;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Võ Thị Phụng